

I. HỆ THỐNG TỔ CHỨC TRONG QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM

1. Nhiệm vụ, chức năng của Quân đội nhân dân Việt Nam

a) Lịch sử hình thành và phát triển

Trước Cách mạng tháng Tám 1945, tiền thân của Quân đội Nhân dân Nam là đội **Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân**, được thành lập ngày **22 tháng 12 năm 1944**. Lễ thành lập được tổ chức tại khu rừng Sam Cao nằm giữa hai tổng Trần Hưng Đạo và Hoàng Hoa Thám thuộc Châu Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng (nay là huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng). Ban đầu gồm 34 chiến sĩ trong đó có 3 nữ với 34 khẩu súng các loại do đ/c Võ Nguyên Giáp chỉ huy chung.

Ngày 15 tháng 4 năm 1945, Hội nghị Quân sự cách mạng Bắc Kỳ họp tại Hiệp Hòa, Bắc Giang quyết định Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân sát nhập với lực lượng **Cứu quốc quân** do Chu Văn Tấn chỉ huy, đổi tên thành **Giải phóng quân**, lực lượng quân sự chính của Việt Minh để giành chính quyền năm 1945. Lễ hợp nhất được tổ chức ngày 15 tháng 5 năm 1945 tại rừng Thán Mát, xã Định Biên, huyện Định Hóa (Thái Nguyên).

Từ năm 1945 (kháng chiến chống Pháp cứu nước), Giải phóng quân của Việt Minh là lực lượng nòng cốt quân đội quốc gia của chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Để đối phó với sức ép của quân Tưởng Giới Thạch đòi giải tán quân đội chính quy Việt Minh, tháng 11 năm 1945 Việt Nam giải phóng quân đổi tên thành **Vệ quốc đoàn**, còn gọi là **Vệ quốc quân**. Lúc này quân số khoảng 50.000 người, tổ chức thành khoảng 40 chi đội ở hầu hết các tỉnh Bắc Bộ và Trung Bộ.

Ngày 22 tháng 5 năm 1946, theo Sắc lệnh 71/SL của Chủ tịch nước, Vệ quốc đoàn đổi tên thành **Quân đội Quốc gia Việt Nam**, được đặt dưới sự chỉ huy tập trung thống nhất của Bộ Tổng tham mưu. Cùng với việc xây dựng quân đội quốc gia, chính phủ đặc biệt coi trọng việc xây dựng lực lượng vũ trang quần chúng, lực lượng bán vũ trang, bao gồm: dân quân ở nông thôn và tự vệ ở đô thị. Trong thời kỳ 1945-1950, có những người nước ngoài đã tình nguyện tham gia chiến đấu và các ngành khác như chỉ huy, tham mưu, kỹ thuật, huấn luyện, quân y, quân giới, tuyên truyền... Nhiều người được giao trọng trách và phong quân hàm sĩ quan cao cấp. Họ đã góp phần không nhỏ trong việc xây dựng quân đội Việt Nam trong thời kỳ non trẻ. Thời gian từ năm 1945 đến năm 1954 là thời kỳ phát triển vượt bậc cả về số lượng và khả năng chiến đấu của Quân đội nhân dân Việt Nam. Chỉ một thời gian ngắn, từ khi đất nước giành được độc lập đến tháng 11 năm 1945, Giải phóng quân đã phát triển từ một đội quân nhỏ trở thành Quân đội Quốc gia Việt Nam với quân số khoảng 50.000 người, tổ chức thành 40 chi đội.

Năm 1950, Quân đội Quốc gia Việt Nam đổi tên thành **Quân đội Nhân dân Việt Nam**. Cũng thời gian này, các đại đoàn chủ lực quan trọng lần lượt được thành lập, đến nay vẫn là những đơn vị chủ lực của Quân đội nhân dân Việt Nam. Từ một đội quân chỉ vài trăm người khi tham gia Tổng khởi nghĩa, Quân đội nhân dân Việt Nam đã phát triển thành quân đội với các sư đoàn chủ lực mạnh, lập nên những chiến công lẫy lừng mà đỉnh cao là chiến thắng Điện Biên Phủ lịch sử ngày 07 tháng 05 năm 1954, đập tan âm mưu thiết lập lại chế độ thuộc địa của thực dân Pháp.

Quân đội nhân dân Việt Nam là lực lượng nòng cốt của lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam. Với ý nghĩa “từ nhân dân mà ra, vì nhân dân mà chiến đấu, vì nhân dân phục vụ”, Quân đội nhân dân có 3 chức năng 5 nhiệm vụ như sau.

b) Nhiệm vụ

Trong thời kỳ mới, nhiệm vụ của quân đội trong tình hình mới là:

- **Một là**, toàn quân cần tiếp tục quán triệt sâu sắc quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng về nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới. Quán triệt, nắm chắc các nội dung, nguyên tắc, giải pháp của các Chiến lược, bám sát tình hình thực tiễn, tham mưu cho Đảng, Nhà nước về các chiến lược, sách lược, bảo đảm xử lý kịp thời, thắng lợi trong mọi tình huống về quân sự, quốc phòng.

Các cơ quan chiến lược của Bộ Quốc phòng đảm bảo luôn có cơ cấu, tổ chức hợp lý; xây dựng, đào tạo đội ngũ cán bộ tham mưu chiến lược có trình độ chuyên sâu về lý luận, kiến thức thực tiễn phong phú.

- **Hai là**, tiếp tục nâng cao chất lượng huấn luyện, năng lực tác chiến trong toàn quân. Đẩy mạnh xây dựng khu vực phòng thủ, bảo đảm có thể đánh thắng ngay từ ngày đầu, trận đầu.

- **Ba là**, tiếp tục xây dựng Đảng bộ quân đội và các tổ chức Đảng trong sạch, vững mạnh, cả về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức. Không ngừng trau dồi, nâng cao năng lực lãnh đạo toàn diện và sức chiến đấu của các tổ chức đảng và đảng viên.

- **Bốn là**, làm tốt công tác dân vận trong toàn quân, vận động quần chúng, góp phần xây dựng thế trận lòng dân vững chắc, giữ vững mối quan hệ máu thịt với nhân dân.

- **Năm là**, đẩy mạnh hội nhập quốc tế và nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại quốc phòng cả trên bình diện đa phương và song phương.

c) Chức năng

Trong thời bình, Quân đội nhân dân Việt Nam thực hiện 3 chức năng cơ bản, đó là: **chiến đấu, công tác phục vụ nhân dân và sản xuất** để hoàn thành mục tiêu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, xây dựng quân đội cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, sẵn sàng chiến đấu, bảo vệ nhân dân, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, chế độ chính trị của Tổ quốc, bảo vệ bản sắc dân tộc.

Chiến đấu:

Đây là nhiệm vụ then chốt của Quân đội nhân dân Việt Nam. Để hoàn thành nhiệm vụ này, Quân đội được tổ chức gồm hai thành phần:

- Quân đội thường trực làm nòng cốt cùng lực lượng rộng rãi quần chúng vũ trang;

- Ba thứ quân: Bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương và dân quân tự vệ.

Hướng tổ chức là tinh gọn, được trang bị các loại vũ khí, khí tài phù hợp, thường xuyên thực hành huấn luyện, nâng cao khả năng sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu, vững vàng bản chất chính trị, nắm chắc tình hình đất nước, khu vực và quốc tế để có các biện pháp tác chiến phù hợp, đẩy mạnh hợp tác quốc tế.

Công tác phục vụ nhân dân:

Trong công tác, Quân đội nhân dân luôn gắn bó mật thiết, đồng cam cộng khổ với nhân dân, thực sự là cầu nối vững chắc và tin cậy của chính quyền với nhân dân. Quân đội còn có nhiệm vụ tuyên truyền đường lối, chủ trương, chính sách của chính quyền, phản bác lại các luận điểm bóp méo, bôi nhọ, không đúng sự thật. Bên cạnh đó, quân đội là một trong các lực lượng nòng cốt trong công tác cứu hộ, cứu nạn, giúp dân phòng, chống và khắc phục hậu quả thiên tai, hỏa hoạn, xả thân trong hiểm nguy để cứu tính mạng và tài sản của nhân dân. Công tác tích cực tham gia xóa đói, giảm nghèo, góp phần nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho các tầng lớp nhân dân luôn được quân đội coi trọng. Giải quyết hậu quả chiến tranh bao gồm rà, phá bom mìn, tẩy độc môi trường và các chính sách hậu chiến là một trong các trụ cột trong công tác quân đội. Tại những khu vực khó khăn, vùng sâu, vùng xa, quân đội chịu cả trách nhiệm phổ cập giáo dục và chăm sóc y tế với người dân. Để hoàn thành nhiệm vụ công tác phục vụ nhân dân, quân đội có các phong trào “Quân đội chung sức xây dựng nông thôn mới”, “Hành trình Quân đội chung tay vì sức khỏe cộng đồng”, “Mái ấm cho người nghèo biên giới, hải đảo”, “Trái tim cho em”; khám, chữa bệnh miễn phí; thăm, tặng quà các đối tượng chính sách, người nghèo...

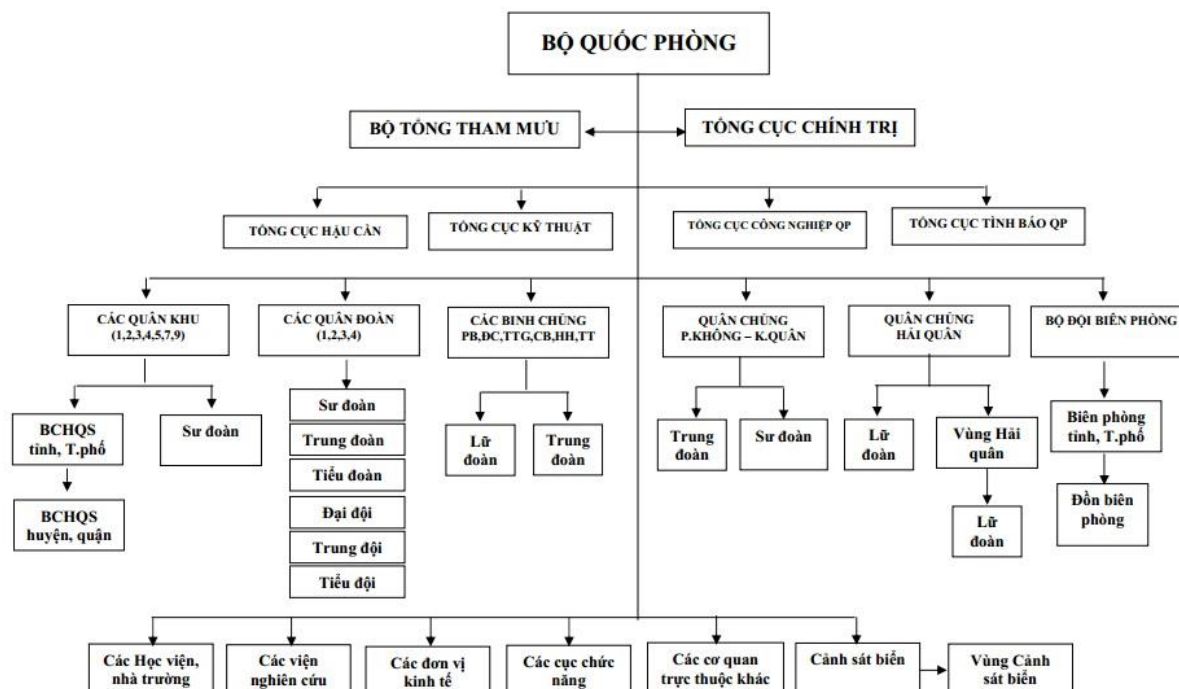
Sản xuất:

Các đơn vị quân đội đã tận dụng mọi tiềm năng, nguồn lực lao động, đất đai, kỹ thuật..., đẩy mạnh tăng gia sản xuất, tạo nguồn thực phẩm bổ sung tại chỗ, góp phần giữ ổn định và cải thiện đáng kể đời sống vật chất cho bộ đội. Các nhà máy, xí nghiệp công nghiệp quốc phòng đã sản xuất được một số loại vũ khí, trang bị khí tài phù hợp, đáp ứng yêu cầu tác chiến hiện đại, yêu cầu sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu của quân đội. Nhiều đơn vị làm kinh tế của quân đội đã sản xuất và kinh doanh có hiệu quả, trở thành các tổ chức, tập đoàn kinh tế lớn của đất nước, đi đầu trong việc kết hợp kinh tế với quốc phòng, góp phần xứng đáng vào công cuộc phát triển kinh tế - xã hội và tăng cường, củng cố quốc phòng, an ninh của đất nước...

Quân đội có vai trò xung kích, nòng cốt trong tham gia xóa đói giảm nghèo, phát triển kinh tế - xã hội gắn với xây dựng tiềm lực và thế trận quốc phòng toàn dân trên các địa bàn chiến lược, vùng sâu, vùng xa, biên giới, ven biển, đảo, với trọng tâm là triển khai xây dựng các khu kinh tế - quốc phòng (KT-QP). Đến nay, Quân đội đã xây dựng được 23 khu KT-QP với diện tích hàng triệu ha nhằm tạo điều kiện phát triển bền vững cho hàng nghìn hộ dân định cư sinh sống lâu dài, hình thành thế bố trí chiến lược mới trên các địa bàn chiến lược, trọng yếu về quốc phòng, an ninh. Các khu KT-QP là nhân tố quan trọng trong công cuộc xóa đói giảm nghèo, thực hiện chính sách dân tộc, tôn giáo, phát triển kinh tế - xã hội gắn với tăng cường quốc phòng - an ninh của đất nước. Doanh nghiệp quân đội ngoài phục vụ các mục tiêu quân sự còn phục vụ nhu cầu dân sự, tiến hành đầu tư trong và ngoài nước. Quân đội sản xuất xây dựng kinh tế nhằm góp phần gìn giữ năng lực sản xuất quốc phòng, nâng cao năng lực chiến đấu cho Quân đội và góp phần tạo nguồn thu cho ngân sách quốc

phòng. Trong thời kỳ hội nhập quốc tế, các doanh nghiệp quân đội là một bộ phận trong chiến lược "hướng ra biển lớn" của Việt Nam và đối với các doanh nghiệp có chức năng làm kinh tế thuần túy sẽ được cổ phần hóa.

2. Cơ cấu tổ chức trong Quân đội nhân dân Việt Nam



Hiện nay, Quân đội nhân dân Việt Nam có lực lượng thường trực gồm bộ đội chủ lực và bộ đội địa phương với tổng quân số khoảng 450.000 người và lực lượng quân dự bị khoảng 5 triệu người. Bộ đội chủ lực là thành phần nòng cốt của Quân đội nhân dân Việt Nam gồm lực lượng cơ động của các quân đoàn, quân chủng, binh chủng, bộ đội chủ lực của quân khu và bộ đội chuyên môn kỹ thuật.

Bên cạnh các đơn vị huấn luyện sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu còn có hệ thống hoàn chỉnh các đơn vị bảo đảm hậu cần, kỹ thuật; các học viện, viện nghiên cứu, các trường đào tạo sĩ quan và trường nghiệp vụ các cấp.

II. CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ CHÍNH CỦA MỘT SỐ CƠ QUAN, ĐƠN VỊ TRONG QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM

1. Bộ Quốc phòng

Bộ Quốc phòng nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thuộc Chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, do Bộ trưởng Bộ Quốc phòng đứng đầu, là cơ quan lãnh đạo, chỉ huy, quản lí cao nhất của toàn quân. Có chức năng quản lí nhà nước về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, quân đội nhân dân và dân quân tự vệ; đồng thời là cơ quan trung ương chỉ đạo, chỉ huy quân đội nhân dân và dân quân tự vệ cùng nhân dân đấu tranh trong thế trận chiến tranh nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam nhằm ngăn chặn, làm thất bại mọi âm mưu, hành động phá hoại và xâm lược, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc.

Bộ Quốc phòng là cơ quan tham mưu cho Đảng và Nhà nước về đường lối, nhiệm vụ quân sự, quốc phòng bảo vệ Tổ quốc; quản lý nhà nước về lĩnh vực

vực quốc phòng trong phạm vi cả nước; tổ chức thực hiện việc xây dựng, quản lý và chỉ huy Quân đội nhân dân, Dân quân tự vệ; quản lý các dịch vụ công theo quy định của pháp luật.

2. Bộ Tổng tham mưu

Bộ Tổng tham mưu là cơ quan chỉ huy, điều hành Quân đội nhân dân, Dân quân tự vệ và thực hiện các chức năng quản lý nhà nước về quốc phòng. Bộ Tổng tham mưu tổ chức, chỉ đạo sự phát triển của quân đội và dân quân tự vệ đồng thời chỉ huy các hoạt động quân sự.

3. Tổng cục Chính trị

Tổng cục Chính trị là cơ quan chỉ đạo và tiến hành Công tác Đảng, Công tác Chính trị trong quân đội. Thực hiện công tác cán bộ, tuyên huấn, tổ chức đảng, công tác dân vận, an ninh quân đội... đồng thời là cơ quan quản lý hành chính đối với hệ thống toà án quân sự, viện kiểm sát quân sự các cấp.

4. Tổng cục Hậu cần

Là cơ quan đầu ngành hậu cần trong Quân đội nhân dân Việt Nam, có chức năng tham mưu, chỉ đạo, tổ chức bảo đảm vật chất, điều kiện ăn, mặc, ở, khám chữa bệnh, bảo đảm sức khoẻ và cơ động... cho bộ đội trong sinh hoạt và công tác. Thông qua các ngành bảo đảm cơ sở vật chất như quân nhu, quân y, doanh trại, xăng dầu và vận tải... góp phần cho Quân đội hoàn thành mọi nhiệm vụ được giao.

5. Tổng cục Kỹ thuật

Là cơ quan quản lý kỹ thuật đầu ngành của Bộ Quốc phòng có chức năng tổ chức, quản lý, nghiên cứu đảm bảo vũ khí và phương tiện, trang bị kỹ thuật chiến đấu cho các quân, binh chủng của Quân đội nhân dân Việt Nam.

6. Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng

Có chức năng tổ chức, quản lý các cơ sở CNQP nòng cốt, bao gồm các viện nghiên cứu thiết kế, công nghệ vũ khí, các nhà máy, các liên hiệp xí nghiệp sản xuất, chế tạo vũ khí, trang bị và các phương tiện kỹ thuật quân sự, đảm bảo cho Quân đội nhân dân Việt Nam chiến đấu bảo vệ Tổ quốc.

7. Tổng cục Tình báo Quốc phòng (Tổng cục 2)

Là cơ quan tình báo chuyên trách chiến lược của Đảng, Nhà nước Việt Nam; cơ quan tình báo chuyên trách quân sự của Quân uỷ Trung ương và Bộ Quốc phòng. Tổng cục Tình báo Quốc phòng là lực lượng trực tiếp thực hiện công tác tình báo ở cấp chiến lược; là cơ quan tham mưu cho Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Tổng Tham mưu trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam về tổ chức lực lượng và hoạt động tình báo, đồng thời là cơ quan đầu ngành trực tiếp chỉ đạo nghiệp vụ tình báo đối với hệ thống quân báo - trinh sát toàn quân.

III. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ QUÂN KHU, QUÂN ĐOÀN, QUÂN CHỨNG, BINH CHỨNG

Quân đội nhân dân Việt Nam hiện nay có 7 lực lượng chiến đấu chủ lực (gồm 3 quân chủng, 2 Bộ tư lệnh tương đương quân chủng và 2 Bộ tư lệnh độc lập tương đương quân đoàn):

A. LỰC QUÂN

Lực quân Việt Nam không tổ chức thành bộ tư lệnh riêng mà đặt dưới sự chỉ đạo, chỉ huy trực tiếp của Bộ Quốc phòng, Bộ Tổng tham mưu, Tổng cục Chính trị; sự chỉ đạo chuyên ngành của các tổng cục và cơ quan chức năng khác.

Lục quân có 07 quân khu (1, 2, 3, 4, 5, 7, 9); 04 quân đoàn (1, 2, 3, 4); Bộ tư lệnh Thủ đô Hà Nội; 06 binh chủng (Pháo binh, Tăng - Thiết giáp, Công binh, Thông tin, Hoá học, Đặc công) cùng với các Học viện, Nhà trường, Viện nghiên cứu, Trung tâm, Doanh nghiệp, Các cơ quan tham mưu chức năng. Quân số khoảng 800.000 người.

Lục quân Việt Nam được trang bị theo hướng hiện đại, gọn nhẹ, có khả năng cơ động cao, có sức đột kích và hỏa lực mạnh, có khả năng tác chiến trong các điều kiện địa hình, thời tiết, khí hậu, phù hợp với nghệ thuật chiến tranh nhân dân hiện đại. Trải qua thử thách trong các cuộc chiến tranh giải phóng và bảo vệ Tổ quốc, Lục quân đã từng bước trưởng thành, luôn hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ và tạo nên truyền thống vẻ vang. Tất cả các quân đoàn, hầu hết các binh chủng và nhiều đơn vị của Lục quân đã được tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng Vũ trang nhân dân.

1. Quân khu

Là một đơn vị có quy mô lớn trong Quân đội nhân dân Việt Nam, trên cấp Sư đoàn, được tổ chức trên các hướng chiến lược và theo địa bàn, bao gồm các quân binh chủng hợp thành (Bộ binh, Pháo binh, Công binh, Tăng - Thiết giáp, Đặc công, Hóa học, Thông tin liên lạc) và các cơ quan chuyên ngành theo chức năng. Nhiệm vụ chung của các Quân khu là tham mưu giúp Đảng ủy, chỉ huy Bộ Quốc phòng về công tác tổ chức, xây dựng, quản lý và chỉ huy lực lượng vũ trang trong một khu vực nhằm bảo vệ khu vực đặc trách được giao. Chức năng cơ bản của quân khu là tác chiến bảo vệ lãnh thổ quân khu, xây dựng và củng cố nền quốc phòng toàn dân ở địa phương.

a) Quân khu 1

Thành lập ngày 16 tháng 10 năm 1945, trực thuộc Bộ Quốc phòng Việt Nam, nằm ở vị trí địa chính trị chiến lược đặc biệt quan trọng về kinh tế-xã hội, quốc phòng-an ninh và đối ngoại trong thế bố trí chung của cả nước, bảo vệ vùng Đông Bắc gồm 6 tỉnh: Cao Bằng, Bắc Kạn, Thái Nguyên, Lạng Sơn, Bắc Giang, Bắc Ninh.

Có nhiệm vụ tổ chức, xây dựng, quản lý và chỉ huy lực lượng vũ trang 3 thứ quân; thường xuyên nâng cao tinh thần cảnh giác cách mạng, chú trọng nâng cao chất lượng huấn luyện, khả năng sẵn sàng chiến đấu của lực lượng vũ trang ba thứ quân, xây dựng thế trận chiến tranh nhân dân vững chắc; tích cực tham gia công tác cứu hộ, cứu nạn, giúp nhân dân khắc phục hậu quả thiên tai, góp phần bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam XHCN.

Hiện nay, Quân khu 1 có Tư lệnh và các Phó Tư lệnh, Chính ủy và Phó Chính ủy; các cơ quan chức năng đảm nhiệm các mặt công tác tham mưu, chính trị, hậu cần, kỹ thuật, các sư đoàn và trung đoàn chủ lực và các đơn vị trực thuộc khác. Quân khu 1 chỉ huy các đơn vị bộ đội địa phương các tỉnh, huyện và dân quân tự vệ trong địa bàn của quân khu.

Trụ sở Bộ Tư lệnh đặt tại xóm Đồng Thịnh, xã Hóa Thượng, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên. Quy mô hơn 35000 người. Khẩu hiệu: *“Trung hiếu, tiên phong, đoàn kết, chiến thắng”*.

b) Quân khu 2

Thành lập ngày 19 tháng 10 năm 1946, trực thuộc Bộ Quốc phòng Việt Nam, nằm ở vị trí địa - chính trị chiến lược bảo vệ vùng Tây Bắc gồm 9 tỉnh: Lai Châu, Điện Biên, Sơn La, Lào Cai, Yên Bái, Phú Thọ, Hà Giang, Tuyên Quang, Vĩnh Phúc. Có nhiệm vụ tổ chức, xây dựng, quản lý và chỉ huy các cơ quan, đơn vị trực thuộc; các đơn vị bộ đội địa phương các tỉnh, huyện và dân quân tự vệ trong địa bàn quân khu.

Trụ sở Bộ Tư lệnh đặt tại Việt Trì, Phú Thọ. Quy mô khoảng 35.000 người. Khẩu hiệu: *“Trung thành, tự lực, đoàn kết, anh dũng, chiến đấu”*.

c) Quân khu 3

Thành lập ngày 31/10/1945, Quân khu 3 trực thuộc Bộ Quốc phòng, nằm ở vị trí địa - chính trị chiến lược bảo vệ vùng Đồng bằng sông Hồng gồm 9 tỉnh: Quảng Ninh, Hải Phòng, Thái Bình, Nam Định, Ninh Bình, Hưng Yên, Hải Dương, Hà Nam, Hòa Bình. Có nhiệm vụ tổ chức, xây dựng, quản lý và chỉ huy các cơ quan, đơn vị trực thuộc; các đơn vị bộ đội địa phương các tỉnh, huyện và dân quân tự vệ trong địa bàn quân khu.

Trụ sở Bộ Tư lệnh đặt tại Kiến An, Hải Phòng. Quy mô khoảng 27000 người. Khẩu hiệu: *“Đoàn kết, chủ động, sáng tạo, hi sinh, chiến thắng”*.

d) Quân khu 4

Thành lập ngày 15/10/1945, Quân khu 4 trực thuộc Bộ Quốc phòng Việt Nam, nằm trên một địa bàn chiến lược có vị trí hết sức quan trọng trong thế trận chiến tranh nhân dân Việt Nam, bảo vệ vùng Bắc Trung Bộ gồm 6 tỉnh: Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế. Có nhiệm vụ chỉ huy, quản lý và tổ chức lực lượng vũ trang quân khu chiến đấu bảo vệ vùng Bắc Trung Bộ, Việt Nam.

Trụ sở Bộ Tư lệnh đặt tại Vinh, Nghệ An. Quy mô khoảng 35000 người.

e) Quân khu 5

Thành lập ngày 16/10/1945, Quân khu 5 trực thuộc Bộ Quốc phòng Việt Nam, hiện nay có chức năng nhiệm vụ cơ bản là tổ chức, xây dựng, quản lý và chỉ huy lực lượng vũ trang thuộc Quân khu chiến đấu bảo vệ vùng Nam Trung Bộ, xây dựng và củng cố nền quốc phòng toàn dân ở địa phương trên địa bàn. Địa bàn Quân khu 5 bắt đầu từ đèo Hải Vân đến cực nam tỉnh Ninh Thuận, bảo vệ vùng Nam Trung Bộ gồm 11 tỉnh thành phố: Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Ninh Thuận, Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk và Đắk Nông.

Trụ sở Bộ Tư lệnh đặt tại đường Duy Tân, quận Hải Châu, Đà Nẵng. Quy mô khoảng 28000 người. Khẩu hiệu: *“Tự lực tự cường, khắc phục khó khăn, chịu đựng gian khổ, mưu trí sáng tạo, chiến đấu kiên cường, chiến thắng vẻ vang”*.

f) Quân khu 7

Thành lập ngày 10/12/1945, khi đó Quân khu 7 là tổ chức quân sự theo vùng lãnh thổ, bao gồm thành phố Sài Gòn và các tỉnh Gia Định, Chợ Lớn, Bà Rịa, Biên Hòa, Thủ Dầu Một và Tây Ninh. Nằm trên một địa bàn chiến lược trong thế trận chiến tranh nhân dân Việt Nam, Quân khu 7 có nhiệm vụ bảo vệ vùng Đông Nam Bộ hiện nay gồm Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh: Bà Rịa - Vũng Tàu, Bình Dương, Bình Phước, Bình Thuận, Đồng Nai, Lâm Đồng, Long An và Tây Ninh.

Trụ sở Bộ Tư lệnh đặt tại đường huy Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh. Quy mô khoảng 34.000 người. Khẩu hiệu: *“Trung thành vô hạn, chủ động sáng tạo, tự lực tự cường, đoàn kết quyết thắng”*.

g) Quân khu 9

Thành lập ngày 10/12/1945, Quân khu 9 trực thuộc Bộ Quốc phòng Việt Nam nằm trên một địa bàn chiến lược trong thế trận chiến tranh nhân dân Việt Nam, bảo vệ vùng Đồng bằng Sông Cửu long gồm 12 tỉnh Tiền Giang, Bến Tre, Trà Vinh, Vĩnh Long, Đồng Tháp, Cần Thơ, An Giang, Hậu Giang, Kiên giang, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cà Mau. Có nhiệm vụ quản lý, tổ chức, xây dựng và chỉ huy quân đội chiến đấu bảo vệ vùng Đồng bằng Sông Cửu long và vùng biển phía nam Việt Nam.

Trụ sở Bộ Tư lệnh đặt tại An Thới, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ. Quy mô khoảng 30.000 người.

h) Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội

Ra đời từ phong trào cách mạng của quần chúng, lực lượng vũ trang (LLVT) Thủ đô Hà Nội là một bộ phận quan trọng của LLVT nhân dân Việt Nam đã kế thừa, phát huy truyền thống anh hùng bất khuất chống ngoại xâm của Thủ đô Hà Nội, truyền thống “Ngàn năm văn hiến Thăng Long - Hà Nội” cùng các tầng lớp nhân dân Thủ đô viết nên trang sử hào hùng, góp phần làm rạng danh non sông đất nước.

Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội trực thuộc Bộ Quốc phòng Việt Nam là Bộ Tư lệnh có chức năng tham mưu cho Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam và chính quyền thành phố Hà Nội thực hiện nhiệm vụ quốc phòng toàn dân và công tác quân sự địa phương; giúp Bộ trưởng Bộ Quốc phòng và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội thực hiện quản lý nhà nước về lĩnh vực quân sự, quốc phòng tại địa phương; tổ chức thực hiện xây dựng, quản lý, chỉ huy các đơn vị lực lượng thường trực và lực lượng dự bị động viên, dân quân tự vệ thuộc quyền...

Ngày 19/10/1946 là ngày truyền thống của LLVT Thủ đô Hà Nội theo Quyết định số 1850/QĐ-QP ngày 31/5/2010 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

Trụ sở Bộ chỉ huy đặt tại số 8 Phạm Hùng, Cầu Giấy, Hà Nội.

Quy mô khoảng 15.000 người.

2. Quân đoàn

Là đơn vị cơ động lớn nhất của Lực lượng, có quy mô lớn trong Quân đội nhân dân Việt Nam, trên cấp Sư đoàn, bao gồm các quân binh chủng hợp thành (Bộ binh, Pháo binh, Công binh, Tăng-Thiết giáp, Đặc công, Hóa học, Thông tin Liên lạc) và các ngành đặc biệt như (Xe-máy, Quân khí,...). Quân đoàn được bố trí để bảo vệ các địa bàn chiến lược trọng yếu của quốc gia với 20.000÷45.000 lính đồng thời tham mưu giúp Đảng ủy, Chỉ huy Bộ Quốc phòng về công tác quân sự, tác chiến, cơ động, chiến lược trên các địa bàn đặc trách được giao.

a) Quân đoàn 1

Quân đoàn 1, còn có tên hiệu là “Binh đoàn Quyết thắng”, là một trong 4 quân đoàn chủ lực cơ động, trực thuộc Bộ Quốc phòng Việt Nam. Đây là đơn vị cấp quân đoàn thực thụ đầu tiên của Quân đội nhân dân Việt Nam, được thành lập ngày 24 tháng 10 năm 1973 do Đại tướng Võ Nguyên Giáp - Ủy viên Bộ

Chính trị, Bí thư Quân ủy Trung ương, Phó Thủ tướng Chính phủ kiêm Bộ trưởng Bộ Quốc phòng Việt Nam ký quyết định số 142/QĐ-QP thành lập, đóng quân trên địa bàn thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình.

Vào cuối Chiến dịch Hồ Chí Minh, Quân đoàn 1 là đơn vị đánh chiếm Bộ Tổng tham mưu Quân lực Việt Nam Cộng hòa, góp phần làm nên sự kiện 30 tháng 4 năm 1975, ngày giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Ngày nay, trước yêu cầu nhiệm vụ mới, các đơn vị của Quân đoàn 1 được trang bị thêm nhiều vũ khí trang bị kỹ thuật hiện đại; tổ chức nhiều cuộc diễn tập chiến đấu hiệp đồng quân binh chủng phục vụ công tác nghiên cứu khoa học - nghệ thuật quân sự hoặc “làm mẫu” thực nghiệm cho toàn quân huấn luyện chiến đấu.

b) Quân đoàn 2

Quân đoàn 2, còn gọi là "Binh đoàn Hương Giang", là một trong bốn quân đoàn chủ lực cơ động của Quân đội nhân dân Việt Nam, trực thuộc Bộ Quốc phòng Việt Nam, được thành lập ngày 17 tháng 5 năm 1974 tại Thừa Thiên (nay là tỉnh Thừa Thiên Huế).

Trong Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, Quân đoàn 2 đã tổ chức đội hình chiến đấu có lực lượng đột kích mạnh gồm xe tăng, pháo binh, pháo phòng không và bộ binh, cùng với quân và dân vùng Đông và Đông Nam Sài Gòn tiến công dũng mãnh, tiêu diệt và làm tan rã toàn bộ lực lượng địch phòng ngự trên hướng này, nhanh chóng đưa lực lượng thọc sâu đánh chiếm nhiều mục tiêu quan trọng, Dinh Độc lập, Phủ Tổng thống chính quyền Sài Gòn bắt Tổng thống và toàn bộ nội các chính quyền Sài Gòn; góp phần giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước.

Ngày nay, trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, Quân đoàn 2 thường xuyên huấn luyện, tổ chức các cuộc diễn tập nghiên cứu, thực nghiệm, kiểm tra với quy mô lớn để từng bước hoàn chỉnh các phương án, hình thức tác chiến mới phù hợp với chiến lược quốc phòng - an ninh của Đảng trong thời kỳ mới; đồng thời nỗ lực xây dựng đơn vị vững mạnh về mọi mặt, xứng đáng với truyền thống “*Thần tốc, táo bạo, quyết thắng*” trong chiến đấu; “chủ động, tích cực, sáng tạo” trong xây dựng quân đội cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, ngày càng hiện đại, thực sự là “quả đấm thép” chủ lực của Bộ Quốc phòng.

Trụ sở Bộ chỉ huy hiện nay đặt tại Thị trấn Vôi, Lạng Giang, Bắc Giang. Lực lượng khoảng 32000 quân.

c) Quân đoàn 3

Sau khi chiến dịch Tây Nguyên thành công lớn, quân đội Việt Nam Cộng hòa bị xóa sổ khỏi Tây Nguyên và bỏ chạy về duyên hải miền trung. Ngày 26 tháng 3 năm 1975, các đơn vị chủ lực Quân đội nhân dân Việt Nam tại Tây Nguyên gồm có: Sư đoàn 316 (đoàn Bông Lau); Sư đoàn 10 (đoàn Đắk Tô), Sư đoàn 320 (đoàn Đồng Bằng); Sư đoàn 2 Quảng - Đà ở phía bắc quân khu; Trung đoàn xe tăng 273, Trung đoàn đặc công 198 và một số đơn vị hỗ trợ đã tập hợp lại thành một đơn vị cấp quân đoàn, chính là Quân đoàn 3 ngày nay, còn gọi là “Binh đoàn Tây Nguyên”, là một trong bốn quân đoàn chủ lực cơ động của Quân đội nhân dân Việt Nam.

Quân đoàn 3 hiện nay có trụ sở Bộ chỉ huy đặt tại Đường Lê Duẩn, Phường Thắng Lợi, Pleiku, Gia Lai với khẩu hiệu: “*Quyết thắng - sáng tạo - đoàn kết - thống nhất - nghiêm túc - tự lực*”. Các cơ quan, đơn vị trực thuộc phần lớn đóng quân tại Gia Lai.

d) Quân đoàn 4

Quân đoàn 4 trực thuộc Bộ Quốc phòng Việt Nam, còn gọi là “*Binh đoàn Cửu Long*”, là một trong 4 quân đoàn chủ lực cơ động của Quân đội nhân dân Việt Nam được thành lập ngày 20 tháng 7 năm 1974 tại chiến khu Dương Minh Châu, miền Đông Nam Bộ. Trước đó mang tên gọi “*Bộ chỉ huy 351*”, chủ lực của Miền.

Với chức năng là quả đấm chủ lực mạnh, lực lượng cơ động của Bộ ở chiến trường B2, nhiệm vụ của Quân đoàn 4 là tiêu diệt quân địch, giải phóng nhân dân, làm nòng cốt cho lực lượng vũ trang 3 thứ quân, làm chỗ dựa vững chắc cho lực lượng đấu tranh chính trị của quần chúng, đảm nhận một hướng chiến lược, một khu vực chiến trường, mục tiêu cuối cùng là giải phóng Sài Gòn.

Ngày nay, trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, Quân đoàn 4 đang tập trung huấn luyện, nâng cao chất lượng tổng hợp và trình độ sẵn sàng chiến đấu, đảm bảo cho Quân đoàn có đủ khả năng hoàn thành nhiệm vụ trước mắt và lâu dài. Xây dựng quân đoàn chính quy, tinh nhuệ và từng bước hiện đại, xây dựng đảng bộ trong sạch vững mạnh toàn diện, đảm bảo tốt công tác hậu cần, kỹ thuật, chăm lo cho đời sống bộ đội và tích cực xây dựng cơ sở chính trị ở địa phương vững mạnh, xứng đáng là quân đoàn cơ động, chủ lực của Bộ đóng ở phía Nam của Tổ quốc, phát huy truyền thống “*Trung thành, đoàn kết, anh dũng, sáng tạo, tự lực, quyết thắng*”.

Bộ chỉ huy hiện nay đặt tại Sóng Thần, Dĩ An, Bình Dương với quy mô 32.000 quân.

3. Binh chủng

Các binh chủng của Lực lượng tham gia tác chiến hợp đồng quân binh chủng theo phân công đồng thời thực hiện chức năng bảo đảm kỹ thuật và huấn luyện, đào tạo sĩ quan, nhân viên kỹ thuật theo các chuyên ngành cho toàn quân. Các binh chủng có các đơn vị chiến đấu trực thuộc, các trường sĩ quan và trường kỹ thuật theo chuyên ngành.

a) Binh chủng Pháo binh

Là binh chủng chiến đấu, là hỏa lực chủ yếu của Lực lượng, thường được trang bị các loại pháo, tên lửa và súng cối, dùng để sát thương, tiêu diệt các mục tiêu; có thể tác chiến hiệp đồng quân, binh chủng hoặc độc lập tác chiến. Ngoài ra còn có thể thực hiện các nhiệm vụ:

- Chi viện hỏa lực trong tác chiến hiệp đồng quân, binh chủng. Chi viện hỏa lực cho các lực lượng đánh nhỏ lẻ, phân tán, rộng khắp trong địa bàn tác chiến.
- Kiểm chế, chế áp trận địa pháo binh, súng cối, tên lửa, sở chỉ huy của địch.
- Chế áp, phá hoại, khống chế các mục tiêu quan trọng sâu trong đội hình địch như sở chỉ huy (vị trí chỉ huy), trung tâm thông tin, sân bay, kho, bến cảng... và hậu phương của địch.

- Dùng hỏa lực pháo binh bắn tiêu diệt, gây tổn thất làm địch mất sức chiến đấu. Bắn phá các mục tiêu công sự, công trình phòng ngự của địch... gây mất tác dụng.

- Bắn chế áp gây tổn thất cho các mục tiêu của địch, tạm thời mất sức chiến đấu, cơ động hạn chế, chỉ huy rối loạn.

- Bắn kiềm chế gây tổn thất và tác động về tinh thần, tâm lý để hạn chế và ngăn chặn hoạt động của địch một cách tạm thời.

* Ngày thành lập: 29/6/1946

* Trụ sở Bộ chỉ huy: Ba Đình, Hà Nội

* Quân số: 10.000 người

b) Binh chủng Hóa học

Là binh chủng chuyên môn của Quân đội nhân dân Việt Nam, có chức năng bảo đảm hóa học cho tác chiến, làm nòng cốt trong việc phòng chống vũ khí hủy diệt lớn, nguy trang bảo vệ các mục tiêu quan trọng của quân đội, nghi binh đánh lừa địch bằng màn khói. Bộ đội Hóa học còn có thể trực tiếp chiến đấu bằng vũ khí bộ binh và súng phun lửa đồng thời thực hiện các nhiệm vụ xác định đánh giá các khu vực bị nhiễm chất độc, tiến hành các biện pháp tiêu, tẩy độc, phục vụ cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

* Ngày thành lập: 19/4/1958

* Trụ sở Bộ chỉ huy: Dịch Vọng Hậu, Cầu Giấy, Hà Nội

* Quân số: 7000 người

c) Binh chủng Công binh

Là một binh chủng chuyên môn của Quân đội nhân dân Việt Nam, có chức năng bảo đảm các công trình trong tác chiến, xây dựng các công trình quốc phòng và đảm bảo cầu đường cho bộ đội vận động tác chiến. Có thể trực tiếp chiến đấu bằng vũ khí công binh.

* Ngày thành lập: 25/3/1946

* Trụ sở Bộ chỉ huy: Đội Cấn, Ba Đình, Hà Nội

* Quân số: 12.000 người

d) Binh chủng Tăng - Thiết giáp

Là binh chủng chiến đấu, là lực lượng đột kích quan trọng của Quân đội Nhân dân Việt Nam. Chịu trách nhiệm tác chiến đột kích trên bộ và đồ bộ (hải quân), được trang bị các loại xe tăng, xe bọc thép, với hỏa lực mạnh, sức cơ động cao.

* Ngày thành lập: 5/10/1959

* Trụ sở Bộ chỉ huy: Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

* Quân số: 9000 người

e) Binh chủng Thông tin - Liên lạc

Là một binh chủng chuyên môn của Quân đội Nhân dân Việt Nam, có chức năng tham mưu, đề xuất với Quân uỷ Trung ương, Bộ Quốc phòng lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện công tác thông tin quân sự, ban hành các văn bản quy phạm pháp luật quản lý Nhà nước đối với hệ thống thông tin quân sự; huấn luyện, đào tạo, xây dựng lực lượng, bảo đảm trang bị kỹ thuật nhằm bảo đảm thông tin liên lạc thông suốt trong thể bố trí chiến lược, phòng thủ và tác chiến của quân đội.

- * Ngày thành lập: 9/9/1945
- * Trụ sở Bộ chỉ huy: Số 1 Giang Văn Minh, Hà Nội
- * Quân số: 10.000 người

f) Binh chủng Đặc công

Là binh chủng chiến đấu đặc biệt tinh nhuệ của Quân đội nhân dân Việt Nam, do Bộ Tổng tham mưu Quân đội nhân dân Việt Nam trực tiếp quản lý và chỉ đạo. Binh chủng Đặc công có nhiệm vụ tập trung nghiên cứu, tham mưu cho Bộ Quốc phòng Việt Nam xây dựng và phát triển các lực lượng Đặc công theo hướng tinh - gọn - chất lượng cao. Được tổ chức, trang bị và huấn luyện đặc biệt, có phương pháp tác chiến linh hoạt, táo bạo, bất ngờ, thường dùng để đánh các mục tiêu hiểm yếu nằm sâu trong đội hình chiến đấu, bố trí chiến dịch và hậu phương của địch.

- * Ngày thành lập: 19/3/1967
- * Trụ sở Bộ chỉ huy: Thanh Trì, Hà Nội
- * Quân số: 10.000 người

B. QUÂN CHỦNG PHÒNG KHÔNG – KHÔNG QUÂN

1. Lịch sử truyền thống

Quân chủng Phòng không – Không quân Việt Nam được thành lập ngày 22/10/1963 trên cơ sở sáp nhập Bộ Tư lệnh Phòng không và Cục Không quân.

Trong thời gian từ 16/5/1977 đến 3/3/1999, Quân chủng Phòng không – Không quân tách ra thành hai Quân chủng Phòng không và Không quân riêng biệt. Việc chia tách này do được áp dụng theo mô hình tổ chức lực lượng của Liên Xô, một quốc gia vốn có lãnh thổ rộng lớn và tiềm lực quân sự mạnh, nên bộ cục không phù hợp với đặc thù Việt Nam, vốn có lãnh thổ nhỏ hẹp và tiềm lực quân sự còn nhỏ. Chính vì vậy, sau khi Liên Xô tan rã, mô hình 2 quân chủng cũng không còn phù hợp, cần tinh giản và gọn nhẹ trong bộ máy quản lý, điều hành. Từ tháng 3/1999, hai Quân chủng lại được sáp nhập trở về Quân chủng Phòng không – Không quân như trước tháng 5/1977.

Trong cuộc chiến tranh giải phóng đất nước, lực lượng phòng không - không quân đã hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ được giao, đánh thắng hai cuộc chiến tranh phá hoại của không quân và hải quân Mỹ ra miền Bắc, bảo vệ giao thông vận tải chi viện cho miền Nam, góp phần xứng đáng vào nhiệm vụ bảo vệ miền Bắc và giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Do những thành tích trong chiến đấu và thực hiện các nhiệm vụ khác, cả lực lượng không quân và phòng không đều được Nhà nước Việt Nam phong tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng Vũ trang nhân dân.

- * Trụ sở Bộ tư lệnh: Số 171, Trường Chinh, Hà Nội
- * Quân số: khoảng 60.000 người.

2. Nhiệm vụ, chức năng

- Quân chủng Phòng không - Không quân là một trong ba quân chủng của Quân đội Nhân dân Việt Nam trực thuộc Bộ Quốc phòng, có nhiệm vụ chiến đấu bảo vệ không phận, mặt đất và biển đảo Việt Nam; cứu trợ, tìm kiếm cứu nạn và các nhiệm vụ khác.

- Có chức năng cơ bản là quản lý chặt chẽ vùng trời quốc gia, thông báo tình hình địch trên không cho các lực lượng vũ trang và nhân dân, đánh trả các cuộc tiến công đường không của đối phương, bảo vệ các trung tâm chính trị, kinh tế văn hoá. Làm nòng cốt cho các lực lượng khác trong việc tiêu diệt các loại máy bay địch.

Quân chủng Phòng không – Không quân đảm nhiệm cả nhiệm vụ của bộ đội phòng không quốc gia và của không quân. Đây là lực lượng nòng cốt quản lý, bảo vệ vùng trời, bảo vệ các mục tiêu trọng điểm quốc gia, bảo vệ nhân dân đồng thời tham gia bảo vệ các vùng biển đảo của Tổ quốc. Lực lượng Phòng không – Không quân có thể độc lập thực hiện nhiệm vụ hoặc tham gia tác chiến trong đội hình quân binh chủng hợp thành. Lực lượng không quân vận tải ngoài nhiệm vụ vận chuyển phục vụ chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu còn tham gia các hoạt động cứu trợ thiên tai và phát triển kinh tế.

Quân chủng tham mưu cho Bộ Quốc phòng chỉ đạo xây dựng lực lượng phòng không lực quân và không quân thuộc các quân chủng, binh chủng, ngành khác.

3. Tổ chức biên chế và lực lượng

Quân chủng Phòng không - Không quân được tổ chức thành Bộ tư lệnh Quân chủng, các đơn vị chiến đấu; khối bảo đảm; khối nhà trường và các đơn vị kinh tế. Bộ Tư lệnh quân chủng có Tư lệnh và các Phó Tư lệnh; Chính uỷ và Phó Chính uỷ, các cơ quan đảm nhiệm các mặt công tác quân sự; công tác đảng, công tác chính trị; kỹ thuật; hậu cần và các đơn vị trực thuộc. Quân chủng có các sư đoàn không quân, sư đoàn phòng không và một số đơn vị không quân trực thuộc là các đơn vị chiến đấu chủ yếu được bố trí dọc theo lãnh thổ Việt Nam. Quân chủng Phòng không - Không quân đã được trang bị các loại máy bay, tên lửa, pháo phòng không và các phương tiện kỹ thuật hiện đại khác trong đó có máy bay tiêm kích đa năng, tên lửa phòng không tầm xa, radar thế hệ mới...

Lực lượng chiến đấu của QC PKKQ là lực lượng PK và lực lượng KQ.

a) Lực lượng phòng không

Bao gồm các lực lượng tên lửa PK, pháo PK và ra đa PK có nhiệm vụ kết hợp cùng với các lực lượng của các quân chủng khác tiêu diệt các loại máy bay chiến đấu, máy bay vận tải, máy bay trinh sát, quân nhảy dù, đổ bộ đường không,... của địch. Ngoài ra còn đảm nhận nhiệm vụ bảo vệ các cơ sở kinh tế, các mục tiêu quan trọng (cầu, kho tàng, sân bay, bến cảng...), bảo vệ các sở chỉ huy cấp chiến dịch, các cơ quan lãnh đạo trong thời bình cũng như trong thời chiến, bảo vệ đội hình chiến đấu của bộ đội binh chủng hợp thành.

- Tên lửa phòng không:

Các đơn vị TLPK có nhiệm vụ sử dụng khí tài tên lửa được trang bị để tiêu diệt các khí cụ bay của đối phương ở trên không. Tên lửa phòng không có thể tác chiến độc lập hoặc hiệp đồng với các cụm lực lượng phòng không khác và không quân để bảo vệ các trung tâm chính trị, kinh tế, cụm lực lượng vũ trang và các mục tiêu quan trọng khác của đất nước.

- Pháo phòng không:

Là lực lượng có bề dày lịch sử chiến đấu lớn nhất trong tất cả các binh chủng thuộc Quân chủng Phòng không-Không quân. Các đơn vị PPK có nhiệm vụ sử dụng các vũ khí, khí tài được trang bị chủ yếu là các súng phòng không và pháo cao xạ phối hợp cùng các lực lượng khác thuộc Quân chủng Phòng không-

Không quân, tiêu diệt các phương tiện bay của đối phương và bảo vệ vùng trời của Việt Nam cùng các mục tiêu, cụm mục tiêu kinh tế - chính trị quan trọng trên vùng lãnh thổ, lãnh hải của Việt Nam.

- Ra đa phòng không:

Có nhiệm vụ dò tìm các mục tiêu xâm phạm vùng trời, vùng biển - hải đảo và vùng lãnh thổ Việt Nam để kịp thời thông báo cho các lực lượng phòng vệ như biên phòng, không quân và hải quân ngăn chặn đúng lúc, bảo vệ lãnh thổ Việt Nam. Ngoài ra, các đơn vị ra đa còn có nhiệm vụ dẫn đường cho một số loại tên lửa phòng không tiêu diệt mục tiêu bay.

b) Lực lượng không quân

Cùng với PK thì Không quân cũng là lực lượng giữ vai trò quan trọng, được tổ chức để tác chiến trên không; có hỏa lực mạnh, tầm hoạt động xa và cơ động nhất của quân đội. Không quân nhân dân Việt Nam có các lực lượng như: Không quân tiêm kích, Không quân ném bom, Không quân trinh sát, Không quân vận tải... trong đó lực lượng Không quân tiêm kích có nhiệm vụ và chức năng sử dụng các loại máy bay tiêm kích phối hợp cùng lực lượng phòng không đánh chặn nhằm tiêu diệt các máy bay cường kích, máy bay ném bom hoặc bất kỳ khí cụ bay nào của kẻ địch, bảo vệ vùng trời lãnh thổ Việt Nam. Kiên quyết xử lý đúng đắn, kịp thời, linh hoạt, có hiệu quả các tình huống phức tạp, các vấn đề nhạy cảm, không để Tổ quốc bị bất ngờ vì các tình huống trên không, góp phần giữ vững chủ quyền vùng trời, biển, đảo của Tổ quốc và tạo lập, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để xây dựng, phát triển đất nước.

C. QUÂN CHUNG HẢI QUÂN

Quân chủng Hải quân của Quân đội nhân dân Việt Nam còn gọi là Hải quân Nhân dân Việt Nam thành lập ngày 7/5/1955, là lực lượng nòng cốt bảo vệ chủ quyền quốc gia của Việt Nam trên biển. Hải quân nhân dân Việt Nam có truyền thống rất vẻ vang, lập công lớn trong chống chiến tranh phá hoại miền Bắc của không quân và hải quân Mỹ nhất là thành tích chống phong tỏa đường biển và các nhiệm vụ được giao trong chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử.

1. Nhiệm vụ, chức năng

Hải quân nhân dân Việt Nam có nhiệm vụ quản lý và kiểm soát chặt chẽ các vùng biển, hải đảo thuộc chủ quyền của Việt Nam trên Biển Đông; giữ gìn an ninh, chống lại mọi hành vi vi phạm chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán và lợi ích quốc gia của Việt Nam trên biển; bảo vệ các hoạt động bình thường của Việt Nam trên các vùng biển đảo, theo quy định của luật pháp quốc tế và pháp luật Việt Nam; bảo đảm an toàn hàng hải và tham gia tìm kiếm cứu nạn theo pháp luật Việt Nam và các điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia, sẵn sàng hiệp đồng chiến đấu với các lực lượng khác nhằm đánh bại mọi cuộc tiến công xâm lược trên hướng biển.

Trong tương lai, Hải quân nhân dân Việt Nam được tăng cường trang bị vũ khí hiện đại, nâng cao sức mạnh chiến đấu để có đủ khả năng hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán và các lợi ích quốc gia trên biển của Việt Nam.

2. Tổ chức biên chế và lực lượng

Bộ tư lệnh Hải quân chỉ huy toàn bộ lực lượng Hải quân nhân dân Việt Nam với quân số khoảng 45.000 người. Bộ Tư lệnh có Tư lệnh và các Phó Tư lệnh, Chính uỷ và Phó Chính uỷ, các cơ quan đảm nhiệm các mặt công tác quân sự; công tác đảng, công tác chính trị; kỹ thuật; hậu cần. Trụ sở tại số 27 Điện Biên Phủ, phường Minh Khai, quận Hồng Bàng, Hải Phòng.

Hải quân nhân dân Việt Nam có 5 vùng Hải quân (1, 2, 3, 4, 5) và các đơn vị trực thuộc:

+ Bộ Tư lệnh Vùng 1 Hải quân là Bộ Tư lệnh tác chiến hải quân độc lập, quản lý và bảo vệ vùng biển từ Quảng Ninh đến Hà Tĩnh và các đảo trong Vịnh Bắc Bộ, bao gồm các tỉnh Quảng Ninh, Hải Phòng, Thái Bình, Nam Định, Ninh Bình, Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh.

+ Bộ Tư lệnh Vùng 2 Hải quân là Bộ Tư lệnh tác chiến hải quân độc lập quản lý và bảo vệ vùng biển từ Nam Bình Thuận đến Bạc Liêu và thềm lục địa phía Nam, trong đó có khu vực trọng điểm là vùng biển có các cụm kinh tế - khoa học - dịch vụ (gọi tắt là DK1) thuộc thềm lục địa phía Nam, gồm có các tỉnh: phía Nam của Bình Thuận, Bà Rịa-Vũng Tàu, Thành phố Hồ Chí Minh, Tiền Giang, Bến Tre, Trà Vinh, Sóc Trăng, Bạc Liêu, và vùng biển phía Đông Nam của tỉnh Cà Mau (bao gồm cả nhà giàn DK1/10 ở bãi ngầm Cà Mau).

+ Bộ Tư lệnh Vùng 3 Hải quân là Bộ Tư lệnh tác chiến hải quân độc lập quản lý và bảo vệ vùng biển giữa miền Trung, từ Quảng Bình đến Bình Định gồm các tỉnh là Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên-Huế, Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định gồm các đảo Cồn Cỏ, Lý Sơn, Quần đảo Hoàng Sa, v.v.

+ Bộ Tư lệnh Vùng 4 Hải quân là Bộ Tư lệnh tác chiến hải quân độc lập quản lý và bảo vệ Quần đảo Trường Sa, đảo Phú Quý, biển Đông và vùng biển phía nam miền Trung, từ Phú Yên đến Bắc Bình Thuận gồm các tỉnh: Phú Yên, Khánh Hòa, Ninh Thuận và phía Bắc của Bình Thuận.

+ Bộ Tư lệnh Vùng 5 Hải quân là Bộ Tư lệnh tác chiến hải quân độc lập quản lý và bảo vệ vùng biển Nam biển Đông và vịnh Thái Lan thuộc vùng biển hai tỉnh Cà Mau (biển phía Tây Nam của Cà Mau) và Kiên Giang.

Lực lượng chiến đấu chủ yếu của Hải quân nhân dân Việt Nam là các đơn vị tàu mặt nước, pháo - tên lửa bờ biển; hải quân đánh bộ; đặc công hải quân và các đơn vị phòng thủ đảo. Hải quân nhân dân Việt Nam đã được tăng cường lực lượng và phương tiện để làm tốt nhiệm vụ tìm kiếm và cứu nạn.

a) Binh chủng Tàu mặt nước, tàu ngầm

Hiện nay Hải quân Việt Nam đang sở hữu nhiều loại tàu mặt nước như tàu hộ vệ tên lửa, tàu pháo, tàu săn ngầm... trong đó 2 tàu hộ vệ tên lửa Gepard 3.9 mang số hiệu HQ011-Đinh Tiên Hoàng và HQ012-Lý Thái Tổ là những tàu chiến mặt nước do Nga sản xuất đã được đưa vào trực chiến.

- Tàu Gepard 3.9 của Việt Nam được thiết kế thực hiện các nhiệm vụ chống tàu ngầm, tàu nổi và các mục tiêu trên không của địch khi thực hiện các nhiệm vụ hộ tống tàu chiến, tàu vận tải, các đoàn tàu cơ động, tiến hành các

nhệm vụ cảnh giới biên, bảo vệ hải giới và thềm lục địa, bảo vệ các khu vực kinh tế biển và bảo vệ các khu vực biển gần.

+ Để tăng cường khả năng cơ động và tác chiến độc lập của tàu trên biển, các nhà thiết kế đã tăng cường khả năng hải trình của tàu từ 9 ngày không phải bổ sung nhiên liệu và cơ sở vật chất lên đến 20 ngày và tầm hoạt động (với tốc độ hải trình 18 hải lý/giờ) từ 2.500 hải lý lên 3.500 hải lý.

+ Tàu được trang bị hệ thống tên lửa chống tàu thế hệ mới nhất, tăng cường khả năng tác chiến so với các loại tàu tuần biển khác. Hệ thống sonar có góc quét 260⁰, phát hiện được tàu ngầm ở bán kính 10-12 km, thủy lôi ở cự ly 2 km và 2 thiết bị phóng ngư lôi cỡ nòng 533 mm.

Cùng với tàu ngầm Kilo 636, máy bay chiến đấu đa năng Su30MK2 và tên lửa chống hạm siêu âm Yakhont của hệ thống tên lửa bờ Bastion-P (có tầm bắn 300 km) thì Gepard 3.9 sẽ giúp quân đội Việt Nam chính thức có được năng lực tiến công đa năng 3 trong 1 (trên không, dưới nước và trên mặt nước) ở khu vực biển gần, đặc biệt là việc nâng cao đáng kể khả năng chống ngầm.

- Bên cạnh tàu hộ vệ tên lửa Gepard, từ năm 2014 đến 2016, 6 chiếc tàu tên lửa tấn công nhanh Molniya do Tổng công ty Ba Son (Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng) đóng mới đã được bàn giao cho Hải quân, biên chế cho Lữ đoàn tàu pháo, tên lửa 167 (Vùng 2 Hải Quân, đóng tại Nhơn Trạch, Đồng Nai). Đây là tàu tên lửa tấn công nhanh lớp Molniya (lớp Tia chớp) - một trong những tàu chiến uy lực hoàn thiện về công nghệ và có tính ổn định cao nhất thế giới.

+ Tàu tên lửa Molniya được trang bị 4 dàn phóng tên lửa Uran - E với tổng số 16 tên lửa, cự ly bắn 130 km, một pháo hạm tự động AK-176M, cự ly bắn khoảng 15 km, cao 11 km và tốc độ khoảng 120-130 viên/phút. Tàu cũng trang bị hai pháo 6 nòng tự động AK630, có tầm bắn 4-5 km, tốc độ bắn 4.000 - 5.000 viên/phút. Hệ thống pháo nhiều phục vụ bắn tên lửa khi có mục tiêu.

+ Với sức chiến đấu cao, trang bị vũ khí hiện đại, đồng bộ, sức cơ động nhanh, tàu Molniya có thể độc lập hoặc hiệp đồng tác chiến với các lực lượng khác trong các chiến dịch của Quân chủng để bảo vệ chủ quyền biển đảo, thềm lục địa của Tổ quốc.

Cùng với đó, lực lượng tàu ngầm có nhiệm vụ tiêu diệt các loại tàu ngầm, tàu nổi cũng như các phương tiện thủy của đối phương, có thể hoạt động độc lập hoặc hiệp đồng với các lực lượng khác theo các yêu cầu nhiệm vụ khác nhau. Ngoài ra lực lượng còn có khả năng trinh sát, do thám các mục tiêu quân sự của đối phương bằng các thiết bị tác chiến điện tử và rải thủy lôi, ngăn cản hoạt động của các phương tiện đường biển.

Hiện nay, Lữ đoàn tàu ngầm 189 là đơn vị lữ đoàn tàu ngầm hiện đại đầu tiên được thành lập ngày 29/5/2013, tại Quân cảng Cam Ranh, Vùng 4 Hải quân trực thuộc Binh chủng Tàu ngầm. Được trang bị Tàu ngầm Kilo 636M.

Các tàu ngầm Kilo 636M mà Nga đóng cho Việt Nam là loại tiên tiến, được gọi là "hổ đen đại dương" bởi khả năng ẩn mình gần như hoàn hảo của nó. Đội hình 6 tàu ngầm Kilo có số hiệu từ 182 đến 187 lần lượt mang tên Hà Nội, Thành Phố Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Khánh Hòa, Đà Nẵng, Bà Rịa-Vũng Tàu

đánh dấu mốc quan trọng trong quá trình hiện đại hoá vũ khí, khí tài quân sự, nâng cao sức chiến đấu của Hải quân nhân dân Việt Nam.

b) Binh chủng Hải quân đánh bộ

Binh chủng Hải quân đánh bộ có nhiệm vụ đóng quân bảo vệ các đảo, đá hoặc tấn công, đổ bộ bằng đường biển lên đất liền hoặc lên các đảo bị nước ngoài chiếm đóng, bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, lãnh hải của Việt Nam.

Lính hải quân đánh bộ còn được gọi là đặc công Hải quân là lực lượng tác chiến đặc biệt tinh nhuệ. Có khả năng bơi rất giỏi, trang bị trên người có thể lên đến 40kg hoặc ít hơn tùy nhiệm vụ, chiến đấu như bộ binh nhưng lại phải thành thạo kỹ thuật đánh gần cũng như cách đánh các loại mục tiêu kiên cố, độc lập tác chiến trong điều kiện chỉ huy thông tin hạn chế. Khi có chiến tranh xảy ra mà chiến trường là đảo do ta quản lý bị nước ngoài đánh chiếm thì hải quân đánh bộ phải lấy lại được đảo, không lực lượng nào có thể thay thế.

Binh chủng Hải quân đánh bộ cũng được trang bị nhiều vũ khí, khí tài tân tiến là các vũ khí của Liên Xô và các trang thiết bị của Mỹ thu được sau chiến tranh. Tuy nhiên, do đặc thù nhiệm vụ, trang bị vũ khí của Hải quân đánh bộ chủ yếu là các loại súng cá nhân. Một trong những vũ khí đó là súng trường tấn công Tavor TAR-21, có khả năng khai hỏa sau quá trình dài ngâm trong nước khi hành quân. Hải quân đánh bộ Việt Nam cũng được trang bị "sát thủ diệt tăng" Matador, có khả năng xuyên giáp xe tăng và phá các bức tường gạch hoặc bê tông cốt thép.

Với đòi hỏi của tình hình như hiện nay thì Nhà nước cũng bắt đầu tập trung đầu tư cho Hải quân đánh bộ như việc trang bị Súng trường tấn công đời mới TAR-21 của Israel và nâng cấp các xe tăng lội nước PT-76 cho lực lượng này.

c) Binh chủng Pháo binh - Tên lửa bờ

Binh chủng Pháo binh - Tên lửa bờ là một binh chủng thuộc Quân chủng Hải quân, Quân đội nhân dân Việt Nam, có nhiệm vụ sử dụng pháo và tên lửa để bảo vệ căn cứ hải quân, các hải đảo quan trọng trên tuyến giao thông gần bờ biển và bờ biển; tham gia phòng thủ bờ biển, hải đảo; chi viện cho các tàu hải quân chiến đấu và cho lực lượng hoạt động trên hướng ven biển.

Binh chủng Pháo binh - Tên lửa bờ được hình thành sau khi kết thúc Chiến tranh Việt Nam vào năm 1975. Nhiệm vụ quan trọng của lực lượng phòng thủ bờ biển là tác chiến chống đổ bộ bờ biển của quân đội đối phương, bảo vệ các căn cứ hải quân, các cảng quân sự. Đơn vị đầu tiên của binh chủng là Tiểu đoàn tên lửa - pháo bờ biển 679 được thành lập ngày 7 tháng 6 năm 1979 tại Hải Phòng được trang bị các tổ hợp tên lửa bờ biển do Liên Xô cung cấp. Hiện nay, Lữ đoàn tên lửa 679 đã trở thành 1 đơn vị lớn mạnh, sẵn sàng triển khai tới các trận địa dọc bờ biển và trên các đảo, phối hợp tác chiến cùng các đơn vị khác của lực lượng Hải quân và Quân đội nhân dân Việt Nam tiến công tiêu diệt các tàu địch trên biển, bảo vệ vững chắc chủ quyền biển đảo và thềm lục địa của Tổ quốc.

Ngoài ra, Binh chủng Pháo binh của Lục quân cũng có nhiệm vụ gắn kết chặt chẽ với binh chủng này nhằm phối hợp bảo vệ bờ biển, đảo bằng 2 vũ khí là Pháo và Tên lửa, hợp thành Binh chủng Pháo binh - Tên lửa bờ. Hiện nay, mỗi Quân khu của Việt Nam đều có các đơn vị pháo binh không chỉ thực hiện cả nhiệm vụ đơn thuần của Pháo binh của Lục quân mà còn tham gia hỗ trợ hỏa lực bằng vũ khí hạng nặng nhằm bảo vệ bờ biển.

d) Binh chủng Không quân hải quân

- Ngày 3/7/2013, Bộ Quốc phòng bàn giao Lữ đoàn Không quân 954 từ Quân chủng Phòng không Không quân về Quân chủng Hải quân. Lữ đoàn được giao nhiệm vụ tác chiến sẵn ngầm, vận tải quân sự, trinh sát, quan sát trên không, trên mặt đất, mặt nước, tìm kiếm cứu nạn trên biển, trên đất liền và cứu hộ, cứu nạn, phòng chống bão lụt.

- Hiện nay, Lữ đoàn Không quân 954 đang thực thi nhiệm vụ với các loại máy bay hiện đại hàng đầu khu vực Đông Nam Á gồm trực thăng sẵn ngầm Ka-28, trực thăng đa năng EC-225, thủy phi cơ DHC-6 và Su30MK2.

+ Ka-28 được xem là một trong những loại trực thăng sẵn ngầm hiện đại nhất ở khu vực Đông Nam Á. Trên máy bay được trang bị radar, sonar, phao âm để trinh sát phát hiện tàu ngầm cùng nhiều loại vũ khí như ngư lôi 400mm, bom chìm chống ngầm.

- Ngoài ra, Việt Nam đã mua chiếc 6 chiếc thủy phi cơ DHC-6 để trang bị cho hải quân, trong đó 3 chiếc được cấu hình vận chuyển khách, hàng hóa còn 3 chiếc trang bị hệ thống radar hiện đại để giám sát biển.

+ DHC-6 ngoài khả năng cất hạ cánh trên mặt nước còn có thể cất hạ cánh đường băng ngắn chỉ vài trăm mét. Vì vậy, DHC-6 được sử dụng nhiều cho các chuyên bay ra đảo Trường Sa Lớn.

Không quân Hải quân Việt Nam còn được trang bị các trực thăng vận tải đa năng EC-225 Super Puma MkII hiện đại hàng đầu thế giới hiện nay. EC-225 đáp ứng tốt nhiệm vụ vận tải hàng hóa, binh sĩ, tìm kiếm cứu hộ cứu nạn. Đặc biệt, nó được tối ưu để chuyên bay biển-nhiệm vụ số một của Không quân Hải quân Việt Nam.

e) Binh chủng Đặc công hải quân

Lực lượng Đặc nhiệm hải quân, Quân đội nhân dân Việt Nam (còn gọi là đặc công hải quân, đặc công nước, đặc công thủy) là lực lượng đặc biệt tinh nhuệ của Quân chủng Hải quân, Quân đội nhân dân Việt Nam, được huấn luyện để tiến công các mục tiêu thủy của đối phương như: Bến cảng, tàu thủy, v.v. và các mục tiêu chỉ có thể xâm nhập qua đường thủy: Căn cứ biệt lập, căn cứ thủy quân, v.v. So với đặc công bộ thì đặc nhiệm hải quân càng đặc biệt, vì chiến đấu dưới nước khó khăn hơn nhiều so với trên bộ, trang bị và vũ khí cũng khác biệt hơn. Đây là lực lượng đặc nhiệm tinh nhuệ bậc nhất của Hải quân Nhân dân Việt Nam.

Đơn vị đặc công đầu tiên của Hải quân được thành lập ngày 13/4/1966 là Đoàn Huấn luyện trinh sát đặc công (nay là Lữ đoàn Đặc công Hải quân 126). Trải qua 55 năm xây dựng, chiến đấu và trưởng thành, cán bộ, chiến sĩ qua các thời kỳ đã lập nhiều chiến công đặc biệt xuất sắc trên chiến trường sông biển; là lực lượng đặc biệt tinh nhuệ và thiện chiến của Quân chủng Hải quân.

D. MỘT SỐ LỰC LƯỢNG QUAN TRỌNG KHÁC

1. Bộ đội biên phòng

Có vị trí như một quân chủng, thực hiện chức năng quản lý bảo vệ chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, an ninh, trật tự biên giới quốc gia trên đất liền, trên biển và các cửa khẩu theo quy định của pháp luật và là lực lượng trong các khu vực phòng thủ tỉnh, huyện biên giới.

Chủ trì phối hợp với các ngành, lực lượng hữu quan trên địa bàn và chính quyền địa phương trong quản lý, bảo vệ đường biên quốc gia, mốc giới; duy trì thực hiện các hiệp định, quy chế biên giới và pháp luật về biên giới; phát hiện và đấu tranh với các hoạt động vi phạm và chống phá của các loại tội phạm, giữ vững chủ quyền, an ninh, trật tự ở khu vực biên giới; thực hiện nhiệm vụ đối ngoại biên phòng, quan hệ với các cơ quan hữu quan các nước láng giềng để giải quyết các vấn đề về quan hệ biên giới nhằm xây dựng biên giới hoà bình, hữu nghị, góp phần tạo môi trường ổn định, phát triển và phục vụ đắc lực cho chủ trương mở rộng hợp tác quốc tế.

Quân số khoảng 50.000 người.

2. Cảnh sát biển

Là lực lượng có chức năng như công an trên biển, bao gồm: tuần tra kiểm soát và quản lý về an ninh, trật tự, an toàn trên biển, bảo đảm việc chấp hành pháp luật Việt Nam, chống tội phạm, tìm kiếm cứu nạn,..trên biển.

Cảnh sát biển Việt Nam hoạt động trong vùng nước nội thủy, lãnh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của Việt Nam, có nhiệm vụ chính như kiểm tra, kiểm soát theo quy định của pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên để bảo vệ chủ quyền; giữ gìn an ninh, trật tự, an toàn; bảo vệ tài nguyên, phòng chống ô nhiễm môi trường; phát hiện, ngăn chặn, đấu tranh chống các hành vi buôn lậu, vận chuyển trái phép và mua bán người, vận chuyển, mua bán trái phép hàng hoá, vũ khí, chất nổ, chất ma túy, tiền chất và các hành vi vi phạm pháp luật khác. Cùng với đó là nhiệm vụ hợp tác quốc tế trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định của pháp luật và điều ước quốc tế góp phần giữ gìn an ninh, trật tự, hoà bình và ổn định trên các vùng biển.

Quân số khoảng 30.000 người.

3. Tác chiến không gian mạng

Bộ Tư lệnh Tác chiến không gian mạng đóng vai trò nòng cốt trong việc bảo vệ Tổ quốc trên không gian mạng; là lực lượng quan trọng tham gia bảo đảm an ninh, an toàn không gian mạng quốc gia, đấu tranh phòng chống tội phạm công nghệ cao và "diễn biến hòa bình" trên không gian mạng, chuẩn bị sẵn sàng nguồn lực để thực hiện nhiệm vụ tác chiến trên không gian mạng, góp phần cùng toàn Đảng, toàn dân, toàn quân bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền của Tổ quốc cả trên đất liền, trên không, trên biển và trên không gian mạng.

Quân số khoảng 7000 người.

4. Bảo vệ Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh

Bộ Tư lệnh Bảo vệ Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh hay còn gọi là Đoàn 969 trực thuộc Bộ Quốc phòng Việt Nam, là tổ chức chuyên trách phối thuộc của Ban Quản lý Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh của Chính phủ Việt Nam.

Nhiệm vụ cụ thể là:

- Bảo đảm tốt việc giữ gìn nguyên vẹn và lâu dài thi hài Chủ tịch Hồ Chí Minh;
- Quản lý, vận hành các thiết bị máy móc ở Lăng và các công trình kỹ thuật có liên quan;

- Tổ chức gác danh dự ở Lăng và bảo vệ an toàn khu vực Lăng;
- Tổ chức đón tiếp, tuyên truyền cho nhân dân và khách quốc tế đến viếng Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Quân số khoảng 10.000 người.

KẾT LUẬN

Trong sự nghiệp cách mạng của dân tộc Việt Nam qua các thời kỳ, Quân đội nhân dân Việt Nam anh hùng đã cùng toàn Đảng, toàn dân lập nên những chiến công vang dội trong sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước cũng như trong xây dựng và bảo vệ vững chắc tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Ngày nay, thế giới đang trong thời kỳ hòa bình, nhưng chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch đang đẩy mạnh chiến lược diễn biến hòa bình nhằm chống phá các nước xã hội chủ nghĩa; mâu thuẫn dân tộc, sắc tộc và tranh chấp lãnh thổ, biên giới đang diễn ra phức tạp, khó lường. Vì vậy, xây dựng Quân đội nhân dân Việt Nam cách mạng chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại là phương hướng đúng đắn của Đảng và Nhà nước ta hiện nay. Hiểu biết chung về quân, binh chủng là một trong những nhân tố cơ bản giữ vai trò chủ đạo về QPAN trong thời kỳ mới. Nghiên cứu học tập một số nội dung cơ bản về quân đội, về quân chủng, binh chủng giúp cho sinh viên hiểu biết, nâng cao nhận thức về quân đội, trên cơ sở đó nêu cao tinh thần trách nhiệm, góp phần xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân vững mạnh toàn diện, bảo vệ vững chắc tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

HƯỚNG DẪN NGHIÊN CỨU

1. Trình bày khái quát lịch sử hình thành và phát triển của Quân đội nhân dân Việt Nam.
2. Chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Quân đội nhân dân Việt Nam.
3. Trình bày khái quát về các quân chủng, binh chủng trong Quân đội nhân dân Việt Nam.
4. Làm rõ vai trò của lực lượng Cảnh sát biển hiện nay.
5. Trách nhiệm của sinh viên trong tham gia xây dựng quân đội vững mạnh.

Tài liệu tham khảo:

- Tài liệu tập huấn của Vụ Giáo dục quốc phòng và an ninh, 2019, 2020.
- Bộ Quốc phòng, *Sách trắng Quốc phòng Việt Nam 2019*, Nxb Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.